ITE
VIỆN KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ
VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG
Institute for Tropicalization and Environment
Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, Quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh.
ĐT: 08.38446262-65, 08.38455140
Fax:08.38423670, 38455140

QT.17.0120

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 03/03/2017

1. Nơi yêu cầu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức

2. Địa điểm lấy mẫu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức – 479 Xa Lộ Hà Nội, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

3. Tên mẫu: Nước ra tại Nhà máy : QT.17.02.180

4. Số lượng mẫu: 01

5. Ngày nhận mẫu: 27/02/2017

6. Thời gian thử nghiệm: 07 ngày

7. Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

Phòng thí nghiệm đạt TCVN/QS 877:2014 (tương đương ISO/IEC 17025:2005 – Vilas)
Phòng thí nghiệm đủ điều kiện quan trắc môi trường theo VIMCERTS 009

ĐẠI DIỆN NHÓM THỬ NGHIỆM	TRƯỞNG PHÒNG QT&PTMT	VIỆN TRƯỞNG
NGUYỄN PHÚ BẢO	PHẠM HỒNG NHẬT	NGUYỄN THẾ TIẾN

VK-MT

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITEM NDMT

ITE

QT.17.0120	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày: 03/03/2017

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 01: 2009/BYT
				QT.17.03.180	
1	Màu sắc	TCVN 6185:2008	mg/l Pt	1,1	15
2	Mùi vị	SMEWW 2150 B SMEWW 2160 B	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	TCVN 6184:2008	NTU	0,3	2
4	pH	TCVN 6492:2011	-	7,1	6,5-8,5
5	Độ cứng	ISO 6059:1984 (E)	$mgCaCO_3/l$	24	300
6	Hàm lượng Clorua	TCVN 6194:1996	mg/l	7	250
7	Sắt tổng số	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$28,1x10^{-3}$	0,3
8	Mangan tổng số	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$1,45x10^{-3}$	0,3
9	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500 – NO_2 (B) (2012)	mg/l	<0,010	3
10	Hàm lượng Nitrat	SMEWW 4500 – NO_3 (E) (2012)	mg/l	0,95	50
11	Hàm lượng Sunphat	SMEWW 4500 – SO_4^{2-} (E)	mg/l	<5	250
12	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/l	0,3	2
13	Clo dư	SMEWW 4500-Cl	mg/l	0,50	0,3 - 0,5
14	Tổng Coliforms	TCVN 6187-2:2009	Vi khuẩn /100ml	0	0
15	E. Coli	TCVN 6187-2:2009	Vi khuẩn /100ml	0	0

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE	VIỆN KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ **VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG** **Institute for Tropicalization and Environment**	Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, Quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh. ĐT: 08.38446262-65, 08.38455140 Fax:08.38423670, 38455140
QT.17.0161	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** **TEST REPORT**	Ngày: 16/03/2017

1. Nơi yêu cầu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức

2. Địa điểm lấy mẫu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức – 479 Xa Lộ Hà Nội, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

3. Tên mẫu: Nước đầu vào nhà máy nước : QT.17.03.051

4. Số lượng mẫu: 01

5. Ngày nhận mẫu: 09/03/2017

6. Thời gian thử nghiệm: 07 ngày

7. Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

Phòng thí nghiệm đạt TCVN/QS 877:2014 (tương đương ISO/IEC 17025:2005 – Vilas)
Phòng thí nghiệm đủ điều kiện quan trắc môi trường theo VIMCERTS 009

ĐẠI DIỆN NHÓM THỬ NGHIỆM	TRƯỞNG PHÒNG QT&PTMT	VIỆN TRƯỞNG
NGUYỄN PHÚ BẢO	PHẠM HỒNG NHẬT	NGUYỄN THẾ TIẾN

VK-MT

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE

QT.17.0161	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** **TEST REPORT**	Ngày: 16/03/2017

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm QT.17.03.051	QCVN 08:2015 (A2)
1	Màu	TCVN 6185:2008	mg/l Pt	38,9	-
2	Mùi vị	SMEWW 2150 B SMEWW 2160 B	-	Không có mùi, vị lạ	-
3	Độ đục	TCVN 6184:2008	NTU	49	-
4	pH	TCVN 6492:2011	-	6,3	6-8,5
5	Tổng cứng	ISO 6059:1984 (E)	$mgCaCO_3/l$	19	-
6	TDS	SMEWW 2540 C	mg/l	40	-
7	SO_4^{2-}	SMEWW 4500 – SO_4^{2-} (E)(2012)	mg/l	<5	-
8	F^-	TCVN 6494-1:2011	mg/l	0,05	1,5
9	CN^-	SMEWW 4500-CN^-	mg/l	<0,002	0,05
10	H_2S	HACH method 8131	mg/l	0,02	-
11	Cl^-	TCVN 6194:1996	mg/l	9	350
12	$N – NO_2$	SMEWW 4500 – NO_2 (B) (2005)	mg/l	<0,010	0,05
13	$N – NO_3$	SMEWW 4500 – NO_3 (E) (2005)	mg/l	1,47	5
14	$N – NH_4$	TCVN 6179:1996	mg/l	<0,040	0,3
15	Tổng Fe	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$691x10^{-3}$	1
16	Mn	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$28,4x10^{-3}$	0,2
17	Cu	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$1,95x10^{-3}$	0,2
18	Pb	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$<0,750x10^{-3}$	0,02
19	Zn	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$2,01x10^{-3}$	1,0
20	Ni	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$1,85x10^{-3}$	0,1
21	Cd	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$<0,440x10^{-3}$	0,005
22	Tổng Cr	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$1,61x10^{-3}$	0,1
23	As	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$0,689x10^{-3}$	0,02
24	Hg	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$<0,680x10^{-3}$	0,001
25	Al	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$761x10^{-3}$	-
26	Na	SMEWW 3125B:2012	mg/l	3,91	-
27	Se	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$<0,852x10^{-3}$	-
28	Chỉ số Pemanganat	TCVN 6186:1996	mgO_2/l	0,5	-
29	Phenol	TCVN 6216 : 1996	mg/l	<0,001	0,005
30	Monocloramin	SMEWW 4500 – Cl G	µg/l	<1	-
31	Tổng Coliforms	TCVN 6187-2:2009	MPN/100ml	4600	5000
32	E. Coli	TCVN 6187-2:2009	MPN/100ml	93	50

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE	VIỆN KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ **VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG** **Institute for Tropicalization and Environment**	Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, Quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh. ĐT: 08.38446262-65, 08.38455140 Fax:08.38423670, 38455140
QT.17.0160	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** **TEST REPORT**	Ngày: 16/03/2017

1. Nơi yêu cầu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức

2. Địa điểm lấy mẫu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức – 479 Xa Lộ Hà Nội, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

3. Tên mẫu: Nước ra tại Nhà máy : QT.17.03.050

4. Số lượng mẫu: 01

5. Ngày nhận mẫu: 09/03/2017

6. Thời gian thử nghiệm: 07 ngày

7. Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

Phòng thí nghiệm đạt TCVN/QS 877:2014 (tương đương ISO/IEC 17025:2005 – Vilas)
Phòng thí nghiệm đủ điều kiện quan trắc môi trường theo VIMCERTS 009

ĐẠI DIỆN NHÓM THỬ NGHIỆM	TRƯỞNG PHÒNG QT&PTMT	VIỆN TRƯỞNG
NGUYỄN PHÚ BẢO	PHẠM HỒNG NHẬT	NGUYỄN THẾ TIẾN

VK-MT

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE

QT.17.0160	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày: 16/03/2017

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm QT.17.03.050	QCVN 01: 2009/BYT
1	Màu sắc	TCVN 6185:2008	mg/l Pt	0,7	15
2	Mùi vị	SMEWW 2150 B SMEWW 2160 B	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	TCVN 6184:2008	NTU	0,4	2
4	pH	TCVN 6492:2011	-	7,0	6,5-8,5
5	Độ cứng	ISO 6059:1984 (E)	$mgCaCO_3/l$	25	300
6	Hàm lượng Clorua	TCVN 6194:1996	mg/l	<5	250
7	Sắt tổng số	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$31,2x10^{-3}$	0,3
8	Mangan tổng số	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$2,05x10^{-3}$	0,3
9	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500 – NO_2 (B) (2012)	mg/l	<0,010	3
10	Hàm lượng Nitrat	SMEWW 4500 – NO_3 (E) (2012)	mg/l	1,22	50
11	Hàm lượng Sunphat	SMEWW 4500 – SO_4^{2-} (E)	mg/l	<5	250
12	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/l	0,3	2
13	Clo dư	SMEWW 4500-Cl	mg/l	0,50	0,3 - 0,5
14	Tổng Coliforms	TCVN 6187-2:2009	Vi khuẩn /100ml	0	0
15	E. Coli	TCVN 6187-2:2009	Vi khuẩn /100ml	0	0

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE	VIỆN KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ **VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG** **Institute for Tropicalization and Environment**	Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, Quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh. ĐT: 08.38446262-65, 08.38455140 Fax:08.38423670, 38455140
QT.17.0200	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** **TEST REPORT**	Ngày: 22/03/2017

1. Nơi yêu cầu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức

2. Địa điểm lấy mẫu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức – 479 Xa Lộ Hà Nội, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

3. Tên mẫu: Nước ra tại Nhà máy : QT.17.03.107

4. Số lượng mẫu: 01

5. Ngày nhận mẫu: 15/03/2017

6. Thời gian thử nghiệm: 07 ngày

7. Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

Phòng thí nghiệm đạt TCVN/QS 877:2014 (tương đương ISO/IEC 17025:2005 – Vilas)
Phòng thí nghiệm đủ điều kiện quan trắc môi trường theo VIMCERTS 009

ĐẠI DIỆN NHÓM THỬ NGHIỆM	**TRƯỞNG PHÒNG QT&PTMT**	**VIỆN TRƯỞNG**
NGUYỄN PHÚ BẢO	PHẠM HỒNG NHẬT	NGUYỄN THẾ TIẾN

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE

QT.17.0200	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** **TEST REPORT**	Ngày: 22/03/2017

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 01: 2009/BYT
				QT.17.03.107	
1	Màu sắc	TCVN 6185:2008	mg/l Pt	0	15
2	Mùi vị	SMEWW 2150 B SMEWW 2160 B	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	TCVN 6184:2008	NTU	0,3	2
4	pH	TCVN 6492:2011	-	7,1	6,5-8,5
5	Độ cứng	ISO 6059:1984 (E)	$mgCaCO_3/l$	27	300
6	Hàm lượng Clorua	TCVN 6194:1996	mg/l	<5	250
7	Sắt tổng số	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$35,2x10^{-3}$	0,3
8	Mangan tổng số	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$2,12x10^{-3}$	0,3
9	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500 – NO_2 (B) (2012)	mg/l	<0,010	3
10	Hàm lượng Nitrat	SMEWW 4500 – NO_3 (E) (2012)	mg/l	0,84	50
11	Hàm lượng Sunphat	SMEWW 4500 – SO_4^{2-} (E)	mg/l	<5	250
12	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/l	0,8	2
13	Clo dư	SMEWW 4500-Cl	mg/l	0,50	0,3 - 0,5
14	Tổng Coliforms	TCVN 6187-2:2009	Vi khuẩn /100ml	0	0
15	E. Coli	TCVN 6187-2:2009	Vi khuẩn /100ml	0	0

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE	VIỆN KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ **VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG** **Institute for Tropicalization and Environment**	Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, Quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh. ĐT: 08.38446262-65, 08.38455140 Fax:08.38423670, 38455140
QT.17.0221	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** **TEST REPORT**	Ngày: 29/03/2017

1. Nơi yêu cầu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức

2. Địa điểm lấy mẫu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức – 479 Xa Lộ Hà Nội, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

3. Tên mẫu: Nước ra tại Nhà máy : QT.17.03.140

4. Số lượng mẫu: 01

5. Ngày nhận mẫu: 22/03/2017

6. Thời gian thử nghiệm: 07 ngày

7. Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

Phòng thí nghiệm đạt TCVN/QS 877:2014 (tương đương ISO/IEC 17025:2005 – Vilas)
Phòng thí nghiệm đủ điều kiện quan trắc môi trường theo VIMCERTS 009

ĐẠI DIỆN NHÓM THỬ NGHIỆM	**PHỤ TRÁCH PHÒNG QT&PTMT**	**VIỆN TRƯỞNG**
NGUYỄN PHÚ BẢO	TRẦN TUẤN VIỆT	NGUYỄN THẾ TIẾN

VK-MT

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE

QT.17.0221	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày: 29/03/2017

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 01: 2009/BYT
				QT.17.03.140	
1	Màu sắc	TCVN 6185:2008	mg/l Pt	2,0	15
2	Mùi vị	SMEWW 2150 B SMEWW 2160 B	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	TCVN 6184:2008	NTU	0,4	2
4	pH	TCVN 6492:2011	-	7,1	6,5-8,5
5	Độ cứng	ISO 6059:1984 (E)	$mgCaCO_3/l$	26	300
6	Hàm lượng Clorua	TCVN 6194:1996	mg/l	<5	250
7	Sắt tổng số	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$31,2x10^{-3}$	0,3
8	Mangan tổng số	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$2,05x10^{-3}$	0,3
9	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500 – NO_2 (B) (2012)	mg/l	<0,010	3
10	Hàm lượng Nitrat	SMEWW 4500 – NO_3 (E) (2012)	mg/l	0,92	50
11	Hàm lượng Sunphat	SMEWW 4500 – SO_4^{2-} (E)	mg/l	<5	250
12	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/l	0,2	2
13	Clo dư	SMEWW 4500-Cl	mg/l	0,60	0,3 - 0,5
14	Tổng Coliforms	TCVN 6187-2:2009	Vi khuẩn /100ml	0	0
15	E. Coli	TCVN 6187-2:2009	Vi khuẩn /100ml	0	0

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE
VIỆN KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ
VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG
Institute for Tropicalization and Environment
Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, Quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh.
ĐT: 08.38446262-65, 08.38455140
Fax:08.38423670, 38455140

QT.17.0235

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 04/04/2017

1. Nơi yêu cầu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức

2. Địa điểm lấy mẫu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức – 479 Xa Lộ Hà Nội, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

3. Tên mẫu: Nước ra tại Nhà máy : QT.17.03.209

4. Số lượng mẫu: 01

5. Ngày nhận mẫu: 29/03/2017

6. Thời gian thử nghiệm: 07 ngày

7. Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

Phòng thí nghiệm đạt TCVN/QS 877:2014 (tương đương ISO/IEC 17025:2005 – Vilas)
Phòng thí nghiệm đủ điều kiện quan trắc môi trường theo VIMCERTS 009

ĐẠI DIỆN NHÓM THỬ NGHIỆM	PHỤ TRÁCH PHÒNG QT&PTMT	VIỆN TRƯỞNG
NGUYỄN PHÚ BẢO	TRẦN TUẤN VIỆT	NGUYỄN THẾ TIẾN

VK-MT

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE

QT.17.0235	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày: 04/04/2017

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 01: 2009/BYT
				QT.17.03.209	
1	Màu sắc	TCVN 6185:2008	mg/l Pt	0	15
2	Mùi vị	SMEWW 2150 B SMEWW 2160 B	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	TCVN 6184:2008	NTU	0,3	2
4	pH	TCVN 6492:2011	-	7,1	6,5-8,5
5	Độ cứng	ISO 6059:1984 (E)	$mgCaCO_3/l$	31	300
6	Hàm lượng Clorua	TCVN 6194:1996	mg/l	<5	250
7	Sắt tổng số	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$31,7x10^{-3}$	0,3
8	Mangan tổng số	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$3,10x10^{-3}$	0,3
9	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500 – NO_2 (B) (2012)	mg/l	<0,010	3
10	Hàm lượng Nitrat	SMEWW 4500 – NO_3 (E) (2012)	mg/l	0,88	50
11	Hàm lượng Sunphat	SMEWW 4500 – SO_4^{2-} (E)	mg/l	<5	250
12	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/l	0,8	2
13	Clo dư	SMEWW 4500-Cl	mg/l	0,50	0,3 - 0,5
14	Tổng Coliforms	TCVN 6187-2:2009	Vi khuẩn /100ml	0	0
15	E. Coli	TCVN 6187-2:2009	Vi khuẩn /100ml	0	0

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.